CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0800001972, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3, L=Hải Dương, S=HẢI DƯƠNG, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2020-04-13 15:21:42

LILAMA69-3.,JSC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA69-3

Địa chỉ: 515 - Điện Biên Phủ - Thành phố Hải Dương
Điện thoại: +84.220.3852584 * Fax: +84.2203.853958
Email: lilama69-3@lilama69-3.com.vn, Website: www.lilama69-3.com.vn

BÁO CÁO CÔNG KHAI MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2019

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CP LILAMA 69-3

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần LILAMA 69-3;
- Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán số 212/BCKT/TC ngày 05/03/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam về kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần LILAMA 69-3;
- Căn cứ Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2019.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần LILAMA 69-3 kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo công khai các chỉ tiêu tài chính như sau:

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư 01/01/2019	Số dư 31/12/2019
I	**Tài sản ngắn hạn**	**675.037.058.580**	**691.822.162.503**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	18.862.690.441	79.700.557.931
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.549.613.305	5.732.820.802
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	259.530.658.030	306.529.427.322
4	Hàng tồn kho	390.238.003.424	299.799.516.900
5	Tài sản ngắn hạn khác	856.093.380	59.839.548
II	**Tài sản dài hạn**	**191.714.967.331**	**173.206.955.220**
1	Các khoản phải thu dài hạn	1.124.373.000	811.100.000
2	Tài sản cố định	172.563.172.924	163.959.216.741
	- Tài sản cố định hữu hình	140.160.503.760	136.549.554.899
	- Tài sản cố định vô hình	694.417.394	654.171.590
	- Tài sản cố định thuê tài chính	31.708.251.770	26.755.490.252

3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn	3.658.754.432	1.210.282.486
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
6	Tài sản dài hạn khác	14.368.666.975	7.226.355.993
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+II)	**866.752.025.911**	**865.029.117.723**
III	**Nợ phải trả**	**759.483.897.845**	**757.721.239.817**
1	Nợ ngắn hạn	670.475.792.738	691.433.760.690
2	Nợ dài hạn	89.008.105.107	66.287.479.127
VI	**Vốn chủ sở hữu**	**107.268.128.066**	**107.307.877.906**
1	Vốn chủ sở hữu	106.364.606.432	106.500.076.324
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.793.610.000	82.793.610.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	19.790.000	19.790.000
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.975.341.184	4.995.394.089
	- Quỹ Đầu tư phát triển	17.014.383.366	17.074.542.081
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.561.481.882	1.616.740.154
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	903.521.634	807.801.582
	- Nguồn kinh phí	123.100.000	123.100.000
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	780.421.634	684.701.582
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(III+IV)	**866.752.025.911**	**865.029.117.723**

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	816.506.790.516	782.396.338.944
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	816.506.790.516	782.396.338.944
4	Giá vốn hàng bán	760.271.871.147	716.295.272.271
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.234.919.369	66.101.066.673
6	Doanh thu hoạt động tài chính	750.148.839	657.510.897
7	Chi phí tài chính	30.008.130.219	39.619.167.309
8	Chi phí bán hàng		

9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.709.287.034	23.248.842.213
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.267.650.955	3.890.568.048
11	Thu nhập khác	5.490.842	497.519.962
12	Chi phí khác	630.133.841	4.137.868.382
13	Lợi nhuận khác	(624.642.999)	(3.640.348.420)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	643.007.956	250.219.628
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	124.909.002	74.643.926
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	518.098.954	175.575.702
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	58	20

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo
1	**Cơ cấu tài sản**	%	
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		20 %
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		80 %
2	**Cơ cấu nguồn vốn**	%	
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		87,6 %
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		12,4 %
3	**Khả năng thanh toán**	Lần	
	- Khả năng thanh ngắn hạn		1,001
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,567
4	**Tỷ suất lợi nhuận**	%	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,02 %
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,023 %
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0,164 %

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D:0800001972-C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3 ★ TP. HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Cao Viết Cường